

Số: *969* /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *10* tháng *5* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công, hoàn thiện giày vải xuất khẩu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công, hoàn thiện giày vải xuất khẩu hợp ngày 04/6/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1204/CV-ĐV ngày 12/04/2022 của Công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đạt Vinh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 176/TTr-STNMT ngày 28/4/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công, hoàn thiện giày vải xuất khẩu (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đạt Vinh (là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Lam Cầu 2, xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đạt Vinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đạt Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đạt Văn Hoàn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 969 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công, hoàn thiện giày vải xuất khẩu.

- Chủ dự án: Công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đạt Vinh.

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 1003, thôn Lam Cầu 2, xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Lam Cầu 2, xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Công suất thiết kế: 5.000.000 đôi giày vải xuất khẩu/năm.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 15.279,6 m².

- Các hạng mục, công trình chính của Dự án: Xưởng sản xuất số 1 diện tích 1.576 m²; xưởng sản xuất số 2 diện tích 1.110,9 m²; xưởng sản xuất số 3 diện tích 159 m²; xưởng sản xuất số 4 diện tích 676,9 m²; xưởng sản xuất số 5 diện tích 1.602,2 m²; xưởng sản xuất số 6 diện tích 361,3 m²; xưởng may mẫu diện tích 955,4 m².

2. Các tác động môi trường chính từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn phát sinh từ quá trình sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng khoảng 2,08 m³/ngày; nước thải sinh hoạt khoảng 0,225 m³/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 75 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển vật liệu; quá trình tập kết, bốc dỡ vật liệu xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển; quá trình sản xuất của nhà máy (bụi từ khu vực mài đế, hơi dung môi hữu cơ từ khu vực dán keo).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng gồm gạch vỡ, vữa thải, vỏ bao bì, nilon... khoảng 79,2 kg/15 ngày; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 2,5 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 750 kg/ngày; bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 95,26 tấn/6 tháng; chất thải rắn sản xuất khoảng 33.933 kg/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Giai đoạn vận hành: Khối lượng khoảng 806 kg/năm, gồm: Vỏ thùng đựng keo; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu thải; gãy tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Đối với nước thải từ thi công xây dựng: Không tập trung các loại nguyên vật liệu gàu và cạnh các tuyến thoát nước; thực hiện che chắn tại khu vực tập kết vật liệu; thu gom tái sử dụng nước thải xây dựng và quá trình trộn bê tông.

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý bằng công trình xử lý nước thải hiện có của Công ty (trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày đêm).

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn: Thu gom bằng hệ thống rãnh bê tông, thoát ra ngoài thông qua 02 cửa xả.

+ Nước thải sinh hoạt:

Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của nhà máy được phân dòng tách riêng với nước mưa chảy tràn. Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

Hệ thống xử lý nước thải công suất 90 m³/ngày đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C.

Nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận: Sông Diêm.

Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải đầu vào → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể đệm vi sinh → bể trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

Quy mô các hạng mục công trình (kích thước Dài x Rộng x Cao (m)): Bể gom (3,0x1,9x1,3); bể điều hòa kết hợp hồ sự cố (18,5x1,8x3,0); bể thiếu khí (4,2x4,0x3,0); bể hiếu khí (6,4x4,0x3,0); bể lắng sinh học (2,5x2,5x3,0); bể đệm vi sinh (6,7x1,3x3,0); bể trung gian (2,2x1,7x3,0); bồn lọc áp lực (Ø 1m x H 1,35m); bể khử trùng (1,7x1,6x3,0); bể chứa bùn (4,0x1,2x3,0).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường, được vệ sinh sau khi vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh trên diện tích đất đã quy hoạch, dọc các tuyến đường giao thông nội bộ; phun nước trên đường giao thông nội bộ; lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng sản xuất.

+ Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các công đoạn phát sinh:

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý bụi mài đế giày: Công suất hệ thống 18.000 m³/giờ, gồm 02 đường ống chính thu gom bụi tại 02 chuyên mài đế kích thước D280, 01 thiết bị cyclone (Ø1,8m x H5,7m, ống thoát khí D400 x H2,5 m), buồng chứa bụi (1,8m x 1,8m x 1,8m).

Công ty lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ tại khu vực quét keo: Công suất thiết kế 30.000 m³/giờ, bao gồm 03 đường ống chính Ø500 tại 03 dây chuyền, 01 tháp hấp phụ than hoạt tính (2mx1,1m x 1,1m), 01 ống thoát khí (D350 x H6 m).

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải sinh hoạt hiện có của Công ty và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; chất thải rắn xây dựng như gạch vỡ, cát, đá thừa sẽ được tái sử dụng làm nền móng; vỏ bao xi măng... được thu gom, bán tái chế; chất thải không tái chế được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Phân loại, lưu giữ tại khu lưu giữ rác thải công nghiệp diện tích 179m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại khu lưu giữ diện tích 49,8m²; khu lưu giữ được thiết kế bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 90 m³/ngày đêm;
- 01 Hệ thống xử lý bụi mài đế công suất 18.000 m³/giờ;
- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ tại khu vực quét keo công suất thiết kế 30.000 m³/giờ;
- 01 khu chứa chất thải thông thường 179m²;
- 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại 49,8m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Quản lý giám sát môi trường giai đoạn vận hành của dự án:

a. Giám sát chất lượng khí thải khu vực dán keo

Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý khí thải khu vực dán keo đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b. Giám sát bụi tại khu vực mài đế

Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý bụi khu vực mài đế đảm bảo đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

c. Giám sát nước thải

Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt cột A giá trị C QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

d. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

Tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.